

Số: 424/2018/QĐDS-ST

Ngày: 20 – 7 - 2018

V/v: yêu cầu tuyên bố một người là mất
tích

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận
6 Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
họp: Bà Nguyễn Thị Dịu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 – số 99 đường
Trần Văn Kiêu, Phường 10, Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm
công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 352/2017/TLSTDS ngày 19 tháng 12 năm
2017 về yêu cầu “Tuyên bố một người là mất tích” theo Quyết định mở phiên họp số:
307/2018/QĐPH-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Đỗ Thị H - sinh năm: 1954 (vắng mặt)

Thường trú: số A15/35D ấp 1, xã QĐ, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Bà Đỗ Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 6 tuyên bố ông Nguyễn Văn T –
sinh năm: 1952 – Nơi cư trú cuối cùng: số 169/20 đường GP, Phường M, Quận S,
Thành phố Hồ Chí Minh – là người mất tích.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm
tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận
6 Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 02 tháng 11 năm 2017, bà Đỗ Thị H nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân
Quận 6 tuyên bố ông Nguyễn Văn T là người mất tích để bổ túc hồ sơ thực hiện lập di
chức. Xét: trích lục kết hôn bản sao do UBND xã BH huyện BC cấp ngày 03/10/2017
đối với Đăng ký kết hôn số 17 ngày 19/01/1973 thì bà H và ông T là vợ chồng. Do đó,
căn cứ khoản 3 Điều 27, khoản 1 Điều 387 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, yêu cầu
của bà H là việc dân sự “yêu cầu tuyên bố một người mất tích” và bà H có quyền yêu
cầu Tòa án tuyên bố ông T là người mất tích.

Ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú cuối cùng số 169/20 đường GP, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, bà H có Đơn xin vắng mặt tại tất cả các phiên họp xét yêu cầu của bà H. Căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp giải quyết yêu cầu việc dân sự vắng mặt bà H.

- Về yêu cầu của đương sự:

Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích đề ngày 09/10/2017, bản tự khai đề ngày 02/2/2018 và 21/4/2018, bà H trình bày: ông Nguyễn Văn T và bà H kết hôn tại UBND xã BH, huyện BC theo giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 19/01/1973. Trong quá trình chung sống, bà H và ông T không có con chung. Ông T có cha tên Nguyễn Văn K (sinh năm 1918, chết ngày 13/3/1991), có mẹ tên Nguyễn Thị M (sinh ngày 15/10/1919, chết ngày 31/3/2000). Ông T có nơi cư trú cuối cùng là 169/20 đường GP, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; ông T không còn ở tại địa phương từ năm 1975 cho đến nay và không biết hiện đang ở đâu mặc dù bà H đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm. Nay cần bổ túc hồ sơ thực hiện lập di chúc nên bà H yêu cầu Tòa án nhân dân Quận S tuyên bố ông T mất tích.

Xét: tại các xác minh của Công an Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận theo tờ khai gia đình do chế độ cũ cấp ngày 03/6/1972 thì tại địa chỉ 169/20 GP, Phường M, Quận S có ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952; trong bản khai danh sách nhân khẩu ngày 01/10/1976 có ghi ông Nguyễn Văn T mất tích ngày 29/4/1975; không có mặt tại địa phương từ 01/10/1976 đến nay và chuyển đi đâu không rõ. Tòa án ra quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích và đã công bố thông báo, áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc ông T còn sống hay đã chết. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự 2015, yêu cầu của bà H về việc tuyên bố ông T là người mất tích là có cơ sở chấp nhận

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên họp phát biểu: sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đương sự, căn cứ vào kết quả xác minh ngày 24/01/2018, 02/02/2018 và 21/4/2018 của công an Phường 1, Quận 6, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 nhận thấy việc bà Đỗ Thị H yêu cầu tuyên bố ông Nguyễn Văn T mất tích là có cơ sở nên đề nghị Tòa án nhân dân Quận 6 chấp nhận yêu cầu của bà H tuyên bố ông T là người mất tích.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự 2015;
 - Khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 367, khoản 1 Điều 387 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
 - Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
 - Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;
1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố một người mất tích của bà Đỗ Thị H.

Tuyên bố ông Nguyễn Văn T – sinh năm: 1952 – Nơi cư trú cuối cùng: số 169/20 đường GP, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh – là người mất tích.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Đỗ Thị H nộp, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà H đã tạm nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028530 ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị trong thời hạn luật định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND Phường M, Quận S;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh